TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2019
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Dũng
2. Bà Hứa Thị Nhị

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dương– Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2018 về "Kiện xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị O – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Đ – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Nâm N'jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị O trình bày: Bà và ông Trần Văn Đ sống chung với nhau từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình

sống chung bà và ông Đ có 02 con chung là các cháu Trần Văn H, sinh năm 1989 và Trần Văn H1, sinh năm 1991. Cuộc sống ban đầu tương đối hạnh phúc nhưng mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ 04 năm trở lại đây, nguyên nhân là ông Đ ghen tuông vô cớ. Ngoài ra, vợ chồng bà còn có quan điểm sống và tính cách khác nhau nên không có tiếng nói chung dẫn đến hay cãi vả. Đến nay, bà không thể tiếp tục chung sống cùng ông Đ nữa nên Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Đ là vợ chồng.

Về con chung: Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Trần Văn Đ trình bày: Ông thừa nhận quá trình sống chung và con chung giống như bà Bùi Thị O đã nêu. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông là do giữa ông và bà O ngày càng không có tình cảm với nhau nên ông cảm thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung này Đ. Do đó, ông đồng ý với quan điểm của bà O về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông và bà O là vợ chồng.

Về phần con chung và tài sản chung: Ông đồng ý tự thỏa thuận với bà O, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do không có đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX không công nhận bà O và ông Đ là vợ chồng.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 02 giấy chứng minh nhân dân của ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị O (Bản photo chứng thực); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản photo chứng thực); giấy khai sinh của các cháu Trần Văn H và Trần Văn H1 (Bản chứng thực) do nguyên đơn cung cấp. Các bên đương sự đều thống nhất nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn Bà Bùi Thị O khởi kiện ông Trần Văn Đ về việc "Kiện xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 4, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị O và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ông Trần Văn Đ cũng thừa nhận việc chung sống của ông và bà O đúng như bà O trình bày.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên Đ giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

2. ..”

Trong quá trình chung sống từ năm 1989 đến nay bà O và ông Đ cũng không đi đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Việc bà O và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay mà không có đăng ký kết hôn với nhau thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng nên không Đ pháp luật công nhận là vợ chồng. Đến nay, bà O yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Đ là vợ chồng. Do đó, HĐXX có căn cứ không công nhận quan hệ giữa bà Bùi Thị O và ông Trần Văn Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Các cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị O.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Bà Bùi Thị O và ông Trần Văn Đ là vợ chồng.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Bà Bùi Thị O phải nộp toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004866 ngày 11/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

<u>ơi nhận</u>
- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- UBND xã Nâm Njang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thị Hải Âu